

Bản án số: 97/2023/KDTM-ST  
Ngày: 14-9-2023  
V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Ông Phan Minh Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2023/KTST ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2023/QĐXX-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 353/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là V1).

Trụ sở chính: Số H đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật : Ông Ngô Chí D-chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà A, số I đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

**Bị đơn:** Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T).

Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1962 – Giám đốc công ty.

Trụ sở: Số F đường L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2023; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim O - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày :*

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi là nguyên đơn) đã ký kết với Công ty TNHH T (gọi là bị đơn) hợp đồng cho vay số GVP/20311, ký ngày 18/05/2020; mục đích vay để thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu Ford RangerRaptor2.0L AT 4x4, số tự động, mới 100% theo hợp đồng mua bán ô tô số: 334/BTF-HĐMB/20 giữa Công ty cổ phần B ô tô và bên vay

ngày 07/04/2020, với số tiền vay: 934,400,000 đồng; thời hạn vay 70 tháng tính từ ngày tiếp theo bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất giải ngân: 9,3% năm; cố định trong 12 tháng đầu tiên; sau đó lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất tại thời điểm điều chỉnh cộng với 4,5%/năm.

Tài sản đảm bảo cho vay là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung: FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, Biển số: 51H- 296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T theo giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1368735830 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty T để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay Công ty T vẫn tiếp tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn đồng thời tiến hành khởi kiện tại Tòa án và đề nghị quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

1/. Buộc Công ty T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 06/02/2023 là:

- Nợ gốc quá hạn 893,900,000 đồng.
- Nợ lãi quá hạn : 459,290,107 đồng.
- Nợ lãi bổ sung: 30,814,700 đồng.

Tổng cộng: 1,384,004,807 đồng ( *Một tỷ, ba trăm tám mươi bốn triệu, không trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm lẻ bảy đồng*).

Ngoài ra, kể từ ngày 07/02/2023, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V .

2/. Trường hợp Công ty T không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, chi tiết tài sản thế chấp như sau: Thế chấp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung: FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, Biển số: 51H- 296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T.

Ngày 23/3/2023, đại diện nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Công S.

- Ngày 23/3/2023, đại diện nguyên đơn có bản tự khai yêu cầu Công ty T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 23/3/2023 là 1,403,562,849 đồng (trong đó nợ gốc là 893,900,000 đồng, nợ lãi quá hạn là 423,834,169 đồng, lãi chậm trả lãi là 55,013,981 đồng, nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 24/3/2023, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

- Ngày 31/7/2023, đại diện nguyên đơn có bản tự khai yêu cầu Công ty T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 31/7/2023 là 1,399,240,334 đồng, trong đó nợ gốc là 893,900,000 đồng, nợ lãi quá hạn là 411,568,146 đồng, lãi chậm trả lãi là 62,957,488 đồng, nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/8/2023, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

- Ngày 14/09/2023, đại diện nguyên đơn có bản tự khai yêu cầu Công ty T trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 14/9/2023 là 1,425,577,258 đồng (trong đó nợ gốc là 893,900,000 đồng, nợ lãi quá hạn là 432,397,241 đồng; lãi chậm trả lãi là 68,465,317 đồng; nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 15/9/2023, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Nếu Công ty T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cụ thể là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020 ; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ vay thì Công ty T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ vay và Công ty T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành xác minh Công ty TNHH T tại trụ sở số F đường L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường A, quận G trả lời xác minh: “ Công ty TNHH T hiện nay không còn hoạt động tại địa chỉ trên”.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng pháp lý hiện nay của Công ty TNHH T tại địa chỉ trụ sở số F đường L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố H được biết: “ Thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH T (mã số doanh nghiệp 0314861401); đính kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 05/01/2021. Đến nay doanh nghiệp nêu trên chưa đăng ký giải thể”.

Tòa án đã tiến hành mời đại diện Công ty T đến Tòa án làm bản tự khai và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty T không có mặt vì vậy Tòa án không tiến hành hòa

giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty T hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Ngày 05/5/2023, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào đơn yêu cầu ngày 05/05/2023 về việc xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 12/6/2023 Tòa án đã ban hành quyết định số 173/2023/QĐ-XXTĐTC và việc xem xét thẩm định tại chỗ sẽ được tiến hành vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 04/7/2023. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ được biết tại thời điểm xem xét thẩm định không có chiếc xe FORD, loại RANGER RAPTOR, biển số 51H-296.17, màu trắng tại địa chỉ số F đường L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay:

\* Bà Nguyễn Thị Kim O là đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 14/9/2023 là 1,425,577,258 đồng; trong đó nợ gốc là 893,900,000 đồng, nợ lãi quá hạn là 432,397,241 đồng; lãi chậm trả lãi là 68,465,317 đồng; nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng.

Công ty T tiếp tục thanh toán phần tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp cho vay số GVP/20311 ký ngày 18/05/2020 giữa Ngân hàng với Công ty T kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu Công ty T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cụ thể là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ vay thì Công ty T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ vay và Công ty Huy Hoàng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đối với số tiền tạm nộp xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng đại diện Ngân hàng yêu cầu Công ty T phải chịu.

Công ty T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung : Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 14/9/2023 gồm nợ gốc, nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng cấp cho vay số GVP/20311 ký ngày 18/05/2020 giữa Ngân hàng với Công ty T.

Công ty T tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 18/05/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp Công ty T không thanh toán theo yêu cầu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V là chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 51H-296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020 ; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp tài sản phát mãi không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay, Công ty T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

Sau khi Công ty T thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51H-296.17 cho Công ty T.

Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

- Về quan hệ pháp luật : Ngày 18 tháng 05 năm 2020, Ngân hàng V có ký với Công ty T hợp đồng cho vay số GVP/20311 để vay số tiền 934,400,000 đồng. Do Công ty TNHH T không thanh toán nợ gốc đúng hạn cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty T có trụ sở tại địa chỉ cuối cùng tại số F đường L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng :

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Xét về hình thức và nội dung hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với Công ty T xuất phát từ sự tự nguyện không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết phù hợp với Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty T cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “ Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Trong quá trình sử dụng tiền vay bị đơn mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng 40,500,000 đồng tiền vốn gốc và đã không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng cho nguyên đơn nên ngày 05/9/2020, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/09/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn 893,900,000 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 893,900,000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi :

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày

17/6/2010 quy định "... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 đã ký để Công ty T vay số tiền 934,400,000 đồng, lãi suất 9,3%/ năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên; sau đó lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất tại thời điểm điều chỉnh cộng với 4,5%/năm, thời hạn vay 70 tháng tính từ ngày 18/05/2020, trả lãi hàng tháng, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô, hình thức thế chấp, có tài sản thế chấp bảo đảm.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi theo hợp đồng là phù hợp. Mức lãi suất là 9,3%/năm và lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ bảng chiết tính lãi vay ngày 06/02/2023 và tại Điều 2 Hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty T thì bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 18,693,299 đồng hiện bị đơn còn thiếu của nguyên đơn nợ lãi quá hạn là 432,397,241 đồng, tạm tính đến ngày 14/09/2023. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 432,397,241 đồng tạm tính đến ngày 14/09/2023 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty T tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 15/09/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 giữa Ngân hàng với Công ty T.

- Đối với số tiền chậm trả là 68,465,317 đồng là số tiền do Công ty T chậm trả tiền lãi được quy định tại khoản 4 Điều 2 của hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty T quy định mức lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả : Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng số tiền phạt chậm trả lãi là 68,465,317 đồng tính đến ngày 14/09/2023.

- Đối với số tiền nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng đây là số tiền khi vay Công ty T được hưởng lãi suất ưu đãi nhưng Công ty T đã không thanh toán đầy đủ và đúng quy định tại hợp đồng do đó Ngân hàng yêu cầu Công ty T trả lại số tiền trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tạm tính đến ngày 14/09/2023 ( ngày xét xử sơ thẩm) tổng số tiền là

1,425,577,258 đồng ( Một tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 893,900,000 đồng, nợ lãi quá hạn là 432,397,241 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 68,465,317 đồng và nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng .

Công ty T tiếp tục thanh toán phần tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 giữa Ngân hàng với Công ty T kể từ ngày 15/09/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay .

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ hợp đồng thế chấp xe ô tô số GVP/20312 ngày 18/05/2020 nếu Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng cụ thể là: 01 (Một) xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xét việc Công ty T và Ngân hàng sau khi ký kết hợp đồng thế chấp số GVP/20312 ngày 18/05/2020 để đảm bảo khoản vay số tiền là 934,400.000 đồng và đã đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/05/2020. Tuy nhiên Ngân hàng cho Công ty T vay chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020 đứng tên Công ty T còn xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17 thì giao cho Công ty T quản lý và sử dụng. Ngày 04/7/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ chiếc xe trên tại địa chỉ số F đường L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tại thời điểm thẩm định không có chiếc xe ô tô tại địa chỉ trên. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do đó việc các bên giao kết hợp đồng thế chấp xe ô tô là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự năm 2015 và hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật và các bên phải tuân thủ nhưng thỏa thuận trong hợp đồng nên căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm và Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung MPBUMFE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17, đứng tên Công ty T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô



số 570013 ngày 15/05/2020; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu tài sản phát mãi không đủ để thu hồi nợ thì Công ty T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong và Công ty T phải chịu tất cả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ kiện trên.

Sau khi Công ty T thanh toán cho Ngân hàng X khoản tiền vay theo hợp đồng thì căn cứ Điều 322 và Điều 327 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc chấm dứt thế chấp tài sản khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp chấm dứt và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp là Ngân hàng phải trả lại cho Công ty T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 15/05/2020 đứng tên Công ty T.

- Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai tạm thu ngày 12/6/2023. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nếu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận do đó yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng mà nguyên đơn đã nộp.

- Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 26,760,072 ( *Hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi hai đồng*) tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0012751 ngày 24/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp .

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 1,425,577,258 đồng (*Một tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám đồng*) do đó bị đơn phải chịu 54,767,318 đồng (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm mười tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280; Điều 299; khoản 2 Điều 244; Điều 317; Điều 322; Điều 327; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

- Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 1,425,577,258 đồng (*Một tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám đồng*); trong đó nợ gốc là 893,900,000 đồng, nợ lãi quá hạn là 432,397,241 đồng, tiền phạt chậm trả là 68,465,317 đồng và nợ lãi bổ sung là 30,814,700 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty TNHH T phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 15 tháng 09 năm 2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với Công ty T.

- Nếu Công ty TNHH T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, màu trắng (WU), số khung FE60LX266032, số máy: YN2QX266032, biển kiểm soát: 51H-296.17, đứng tên Công ty T do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 ngày 15/05/2020; Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào ngày 18/05/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nếu tài sản phát mãi không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V cho đến khi trả nợ xong .

- Sau khi Công ty TNHH T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V xong khoản tiền vay theo hợp đồng cho vay số GVP/20311 ngày 18/05/2020, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V phải trả lại cho Công ty T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570013 do Phòng Cảnh sát Công an Thành phố H cấp ngày 15/05/2020, đứng tên Công ty T.

- Công ty TNHH T và công nghiệp Huy H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty T phải chịu 54,767,318 (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm mười tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 26,760,072 ( *Hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi hai đồng*) là tiền tạm nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012751 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp .

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

***Nơi nhận :***

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký và đóng dấu)**